TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 7 - 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư
Bà Bùi Thị Hoàng
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Tuấn K, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.
Bị đơn: Đào Thị Kim T, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Khanh và chị T sống chung từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào ngày 15/3/2004.

Trong thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa trong cuộc sống do tính cách không phù hợp. Từ tháng 02/2019 đến tháng 4/2019 anh Khanh về phụ giúp cha mẹ ở xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cất lại nhà do bị cháy thì chị T có quan hệ tình cảm với người khác tên Trần Văn Bình. Anh Bình là bạn của anh Khanh nên anh Khanh khuyên can chị T và yêu cầu chấm dứt mối quan hệ này nhưng chị T không thay đổi, kéo dài mối quan hệ với anh Bình cho đến nay. Vì vậy, anh

Khanh không muốn tìm ra chứng cứ vi phạm của chị T, không yêu cầu xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của chị T. Chính vì lý do này, dù hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng chị T muốn đi lúc nào thì đi, lúc nào về thì về, còn anh Khanh mỗi ngày đi làm từ lúc 05 giờ đến 20 giờ mới về nhà, vợ chồng không còn trách nhiệm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, đã cho nhau nhiều cơ hội để hòa hợp nhưng không hàn gắn được. Nay vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hơn, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Khanh không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1993, hiện con đang học đại học, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Chị Đào Thị Kim T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tuấn K, không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa dân sự Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Đào Thị Kim T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Khanh, chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh Khanh cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4/2019 đến nay với lý do chị T có quan hệ tình cảm với anh Trần Văn Bình, không chấm dứt mối quan hệ này để vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Từ đó, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Anh

Khanh không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị T không có văn bản ghi ý kiến trình bày phản bác nguyên nhân mâu thuẫn do anh Khanh nêu làm căn cứ ly hôn và có đồng ý hay không đồng ý ly hôn với anh Khanh, vắng mặt tại phiên tòa, đã từ bỏ quyền tự bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh Khanh không cung cấp được chứng cứ vi phạm hôn nhân một vợ một chồng của chị T, do anh Bình là bạn của anh Khanh nên anh Khanh chỉ muốn xác định về tình cảm, anh Khanh không còn tình cảm với chị T, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị T. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Khanh.

[4] Về con chung: Anh Khanh, chị T có một con chung tên Phạm Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1993.

Xét thấy, căn cứ vào giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu thể hiện Phạm Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1993, có họ và tên cha là Phạm Tuấn K, họ và tên mẹ là Đào Thị Kim T, tính đến ngày xét xử vụ án, con chung đã trên 18 tuổi đã trưởng thành. Anh Khanh xác định con chung tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T không có ý kiến về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Khanh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T không có ý kiến trình bày về tài sản chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Khanh xác định không có. Chị T vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến trình bày về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Khanh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Tuấn K.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tuấn K được ly hôn với chị Đào Thị Kim T.

[2] Về con chung: Anh Khanh, chị T có một con chung tên Phạm Thị Mỹ Tiên, sinh năm 1993, đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tuấn K phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Khanh đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo các Biên lai thu số 0004680 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Khanh đã nộp xong tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Khanh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Cao Lãnh;
- TA Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

Huỳnh Kim Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Hải – Nguyễn Văn Vệ **Huỳnh Kim Oanh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Cao Lãnh;
- TA Tỉnh;
- Lưu HSVA.